TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG
https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl
P-ISSN 3093-3196
E-ISSN 3093-3226

NAM XƯƠNG LIỆT NỮ VŨ THỊ TÂN TRUYỆN (NGUYỄN HÒA HƯƠNG) TỪ GÓC NHÌN LIÊN VĂN BẢN

NAM XƯƠNG LIỆT NỮ VŨ THỊ TÂN TRUYỆN (NGUYỄN HÒA HƯƠNG) FROM THE PERSPECTIVE OF TEXTUALITY

Hồ Ngọc Thiện
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: 2103hothien@gmail.com

DOI: https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.995
Ngày nhận bài: 29/04/2026 *Ngày phản biện: 20/05/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

TÓM TẮT

Bài viết tập trung tìm hiểu truyện thơ Nôm "Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện" của tác giả Nguyễn Hòa Hương từ góc nhìn liên văn bản qua hai phương diện: thể loại - kết cấu truyện kể và hình tượng nhân vật trung tâm. Từ góc nhìn liên văn bản, trên phương diện thể loại, trong quan hệ với "Nam Xương nữ tử truyện" của Nguyễn Dữ, tác phẩm của Nguyễn Hòa Hương là sự chuyển dịch từ truyện truyền kì sang truyện thơ Nôm, kéo theo là sự chuyển dịch về kết cấu truyện kể: từ câu chuyện kì lạ sang câu chuyện tình cảm - đạo đức, gắn liền với thái độ chủ quan và ý thức đạo đức của tác giả. Còn trên phương diện hình tượng nhân vật, Vũ Thị Thiết của truyện thơ Nôm được hình dung như là số phận nữ tổng hòa phẩm chất của tiết phụ, chinh phụ, hồng nhan và liệt nữ. Ở đó, phương diện chinh phụ và hồng nhan có ý nghĩa làm đầy đặn diện mạo của nhân vật. Những phẩm chất này đã cùng nhau tạo nên đặc trưng con người oan khiên đặc trưng ở nhân vật (nhân vật oan khiên). Nhưng khác với con người oan khiên trong truyện truyền kì, Vũ Thị Thiết trong tác phẩm này được lên tiếng giải bày, tự minh oan, đối thoại sòng phẳng với Trương sinh và rõ ràng là ý thức cụ thể về bản chất của bi kịch cá nhân. Qua đó, bài viết nhận thấy, từ góc nhìn liên văn bản, "Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện" đã đối thoại tích cực với tác phẩm nguồn trong quá trình tái hiện và kể lại câu chuyện về nhân vật Vũ Thị Thiết.

Từ khóa: *liên văn bản, Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện, Nam Xương nữ tử truyện, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hòa Hương*

ABSTRACT

This article focuses on examining the Nôm verse narrative (truyện thơ Nôm) "Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện" by Nguyễn Hòa Hương from an intertextual perspective, examining two aspects: genre and narrative structure, and the central character's image. From an intertextual perspective, regarding genre, in relation to Nguyễn Dữ's "Nam Xương nữ tử truyện," Nguyễn Hòa Hương's work represents a shift from a legendary tale (truyện truyền kì) to a Nôm verse narrative (truyện thơ Nôm), resulting in a shift in narrative structure: from a strange story to a story of emotion and morality, associated to subjective attitude and moral consciousness of the author. Regarding the character's image, Vũ Thị Thiết in the Nôm verse narrative (truyện thơ Nôm) is envisioned as a woman whose fate combines the qualities of a virtuous wife (tiết phụ), a soldier's wife (chinh phụ), a beautiful woman (hồng nhan), and a heroic woman (liệt nữ). In that, the facets of a soldier's wife and a beautiful woman helped complete the character's appearance. These qualities together create the character of a wronged individual. However, unlike the wronged character in the legendary tale (truyện truyền kì), Vũ Thị Thiết in this work speaks out, vindicates herself, straightforwardly dialogue with Trương sinh and clearly understands the nature of her personal tragedy. Thus, the article observes that, from an intertextual perspective, "Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện" actively engages with the source work in the process of reimagining and retelling the story of the character Vũ Thị Thiết.

Keywords: *intertextuality, Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện, Nam Xương nữ tử truyện, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hòa Hương.*

MỞ ĐẦU

Vũ Thị Thiết là một trong những nhân vật đặc sắc nhất của văn học trung đại Việt Nam. Cho đến nay, ngoài *Nam Xương nữ tử truyện* của Nguyễn Dữ, Vũ Thị Thiết và câu chuyện về cuộc đời nhân vật đã được tiếp nhận và cải biên qua nhiều thể loại, loại hình. Truyện thơ Nôm *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* (dài 582 câu lục bát) của Nguyễn Hòa Hương là một trong số đó. Hiện nay, chúng ta chưa có nhiều thông tin về tiểu sử Nguyễn Hòa Hương, chỉ biết ông sống vào thế kỉ XIX và có hai tác phẩm là *Bút Hương Trai khuê huấn ca* (1861) và *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* (hiện chưa xác định được thời điểm sáng tác cụ thể) (Minh & Linh, 2006).

Mặc dù được giới thiệu từ năm 2005, 2006 nhưng tác phẩm chưa nhận được nhiều sự quan tâm từ giới nghiên cứu. Trên thực tế, hai tác giả Hà Đăng Việt và Phùng Diệu Linh trong bài viết *Điển và điển trong Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* đã tìm hiểu về điển trong tác phẩm này, trong khi tác giả Nguyễn Thị Hà (2016) trong luận văn thạc sĩ *Câu chuyện Người con gái Nam Xương từ truyện truyền kì đến truyện thơ Nôm* lại nghiên cứu tác phẩm trong quan hệ với *Chuyện người con gái Nam Xương*. Dẫu vậy, mức độ phổ biến của các nghiên cứu chưa cao. Do đó, nhằm cung cấp một cái nhìn khái quát và đa diện về tác phẩm, bài viết vận dụng phương pháp liên văn bản để tiếp cận tác phẩm của Nguyễn Hòa Hương qua hai khía cạnh tiêu biểu là thể loại - cấu trúc tự sự và hình tượng nhân vật trung tâm.

1. Khái lược về liên văn bản

Liên văn bản (intertextuality) là khái niệm chỉ cho cách thức các văn bản thuộc mọi loại hình (truyền miệng, hình ảnh, ngôn từ, thực tế ảo) chứa đựng tham chiếu đến những văn bản khác mà theo một cách nào đó đã ảnh hưởng đến quá trình hình thành và ý nghĩa của chúng (Childs & Fowler, 2006). Khái niệm này được đưa ra đầu tiên bởi Julia Kristeva vào năm 1967 trên nền tảng lí thuyết đa thanh và đối thoại của M. Bakhtin, tiền đề ngôn ngữ học của F. de Saussure và sau được R. Barthes phát triển trong khi bàn về sự khác biệt giữa tác phẩm và văn bản, và vai trò của người đọc.

Từ góc nhìn liên văn bản, mọi văn bản đều là liên văn bản, tức là đều được cấu tạo như một bức tranh khảm các trích dẫn (Kristeva, 2024). Theo đó, văn bản là sự hấp thu và biến đổi các văn bản khác: nó không được tạo ra một cách độc lập như một thành quả độc sáng mà bao giờ cũng thuộc về mạng lưới văn bản trước nó và đang diễn ra. Mạng lưới này trải dài từ văn bản đến phi văn bản, từ văn học đến văn hóa, lịch sử, xã hội. Nói cách khác, văn bản được tạo thành từ nhiều sự viết (writing), được rút ra từ nhiều nền văn hóa và đồng thời tham gia vào các tương tác bằng sự đối thoại, giễu nhại, tranh luận,... (Barthes, 1977). Ý nghĩa của văn bản, do vậy, một mặt không phụ thuộc vào ý đồ của tác giả mà được rút ra từ mối quan hệ của nó với các văn bản khác, mặt khác không cố định mà *chuyển dịch* và *lẩn tránh* bởi sự vận động và bất định của mạng lưới mà nó thuộc về (Zengin, 2016).

Từ đây, liên văn bản gợi ý rằng người đọc có vô số cách đọc - hiểu văn bản tùy thuộc vào mạng lưới liên văn bản mà họ xác lập, và chính thông qua sự tiếp nhận, mạng lưới liên văn bản được phát hiện và làm phong phú thêm. Vì thế, tiếp cận tác phẩm từ góc nhìn liên văn bản là đặt tác phẩm trong những mạng lưới văn bản dày đặc và chồng chéo khả dĩ của nó, từ đề tài, chủ đề, hình tượng cho đến tư tưởng, văn hóa, xã hội để kiến giải ý nghĩa của tác phẩm.

Từ những khái lược về liên văn bản ở trên, trong bài viết này chúng tôi sẽ tìm hiểu *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* từ góc nhìn liên văn bản: (1) trên phương diện thể loại và kết cấu tự sự trong sự đối sánh với văn bản nguồn – *Nam Xương nữ tử truyện* của Nguyễn Dữ, và (2) trên phương diện hình tượng nhân vật trung tâm (Vũ Thị Thiết) trong mạng lưới các kiểu nhân vật nữ đặc trưng của văn học trung đại.

2. Từ truyện truyền kì đến truyện thơ Nôm

Trước hết, nhìn từ mối quan hệ liên văn bản với *Nam Xương nữ tử truyện* như là văn bản nguồn, có thể thấy đối thoại cốt lõi của *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* nằm ở sự chuyển dịch thể loại từ truyện truyền kì sang truyện thơ Nôm. Chính sự chuyển dịch này kéo theo sự thay đổi trong đặc trưng loại hình, tư duy thẩm mĩ và ngôn từ nghệ thuật của văn bản đích, làm

tiền đề cho sự tái kết cấu truyện kể và sự cải hóa hình tượng nhân vật.

Thứ nhất, về đặc trưng loại hình, trong khi truyện truyền kì với tư cách tự sự cỡ ngắn thiên về miêu tả sự kiện – *kể chuyện* về nhân vật Vũ Thị Thiết, thì truyện thơ Nôm với bản chất hòa trộn nhuần nhị giữa yếu tố tự sự (truyện) và trữ tình (thơ) lại cho phép Nguyễn Hòa Hương vừa *kể chuyện* về cuộc đời nhân vật Vũ Thị Thiết, vừa *phơi mở* tâm tư nhân vật, lại vừa *bày tỏ* quan niệm cá nhân.

Thứ hai, về tư duy thẩm mĩ, mặc dù cùng chia sẻ bối cảnh phát triển vào hậu kì trung đại gắn với đời sống thị dân và mối quan tâm đời thường nhưng truyện truyền kì và truyện thơ Nôm đã tiếp cận câu chuyện của nhân vật Vũ Thị Thiết từ những góc nhìn khác nhau. Truyện truyền kì của Nguyễn Dữ với quan niệm sáng tác "vô kì bất truyền" bằng "Cách kể chuyện có tính chất hư cấu, sử dụng nhiều yếu tố kì lạ, kì ảo, ma quái, thần tiên, siêu tự nhiên" (Giang, 2025, tr. 261) đã kể câu chuyện về nhân vật Vũ Thị Thiết như *một chuyện kì lạ* "khó tỏ mà dễ hoặc" (Dữ, 1952, tr. 208). Trong khi đó, truyện thơ Nôm của Nguyễn Hòa Hương xuất phát từ nhu cầu thẩm mĩ và đạo đức thời đại gắn với khuynh hướng nhân văn, nhân đạo lại trình hiện câu chuyện về nhân vật vừa như một số phận đáng thương, vừa như một tấm gương giáo huấn.

Ngoài ra, trong khi *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* có tích truyện bản địa giống như các truyện Nôm bình dân *Quan Âm Thị Kính*, *Tống Trân - Cúc Hoa*,… thì tác phẩm lại không được viết như một sự tổng hợp các truyền tụng dân gian bởi một tác giả khuyết danh. Thay vào đó, tác phẩm lại được Nguyễn Hòa Hương sáng tác như một kiểu *tân truyện* – một dạng cải biên thường thấy ở các truyện thơ Nôm bác học có vay mượn cốt truyện (tài tử giai nhân) từ Trung Quốc như *Nhị độ mai*, *Truyện Kiều*, *Truyện hoa tiên*,… với văn bản nguồn là *Nam Xương nữ tử truyện* của Nguyễn Dữ. Từ góc nhìn liên văn bản, điều đó một mặt cho thấy tính chất bản địa, dân tộc từ trong bản chất của tác phẩm, mặt khác phát lộ tư duy sáng tác của tác giả như là sản phẩm của khuynh hướng sáng tác giai đoạn hậu kì. Trên thực tế, ở phần cuối tác phẩm đã thể hiện ý thức về vấn đề này: "Tân thứ nét bút vẽ vời/ Câu câu như tỉnh cho người hoài nghi/ Nôm na chép để làm ghi/ Thanh tao đâu dám tranh thi Vân Kiều" (Bảo & Văn, 2006, tr. 293).

Thứ ba, về ngôn từ nghệ thuật, nếu truyện truyền kì sử dụng Hán tự và câu văn biền ngẫu để kể câu chuyện của nhân vật Vũ Thị Thiết, thì truyện thơ Nôm như là "*một hiện tượng nghệ thuật gắn liền với những mô thức tư duy của người Việt*" (Nam, 2015, tr. 111) lại sử dụng chữ Nôm và thể thơ lục bát để kể câu chuyện về nhân vật Vũ Thị Thiết – một câu chuyện bản địa. Do vậy, trong khi duy giữ tính chất trang trọng, cổ điển với hệ thống điển cố, điển tích, tác phẩm của Nguyễn Hòa Hương lại có ưu thế đặc biệt trong việc miêu tả tình cảm của con người Việt Nam mà Hán tự trong tác phẩm truyền kì khó lòng làm được.

Trên cơ sở chuyển dịch về thể loại, thứ đến, *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* đã tái cấu trúc truyện kể về lượng và chất so với *Nam Xương nữ tử truyện*.

Về cơ bản, tác phẩm của Nguyễn Hòa Hương giữ nguyên khung truyện kể của Nguyễn Dữ với hai phần chính là tiền tự trầm (gắn với bi kịch chiếc bóng) và hậu tự trầm (gắn với việc giải oan). Tuy nhiên, so với *Nam Xương nữ tử truyện*, *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* có thêm đoạn đề dẫn, đoạn miêu tả tâm trạng nhân vật lúc đưa tiễn Trương sinh, đoạn nhân vật tự minh oan - đối chất, đoạn trình bày quan niệm tác giả và một số đoạn trữ tình ngoại đề khác. Thực chất, những thay đổi về lượng trên đây gắn chặt với đặc trưng thể loại của truyện thơ Nôm. Do đó, về chất, câu chuyện của nhân vật Vũ Thị Thiết từ câu chuyện kì lạ đã trở thành câu chuyện tình cảm. Ở đó, không chỉ nhân vật được giải bày nỗi lòng, tình cảm, tự minh oan mà tác giả cũng được thể hiện cách nhìn, cách cảm chủ quan trong khi kể về sự tình của nhân vật.

Đáng chú ý, khác với tính chất khách quan và mục đích ghi chép chuyện lạ của tác phẩm truyền kì, truyện thơ Nôm của Nguyễn Hòa Hương mang tính chủ quan đậm nét và được viết với ý thức đạo đức rõ ràng. Trong khi Nguyễn Dữ chỉ trong lời bình cuối truyện mới bày tỏ cái nhìn cá nhân – rằng câu chuyện của nhân vật Vũ Thị Thiết khó lòng phân định nhưng dẫu sao cũng đã được trời đất chứng minh, thì Nguyễn Hòa Hương ngay từ đầu truyện thơ đã xác định câu chuyện của nhân vật Vũ Thị Thiết thuộc về

câu chuyện liệt nữ và Vũ Thị Thiết là người giữ gìn đạo nghĩa cương thường: "Lạc Hồng liệt nữ mấy người/ Treo gương kim cổ biết đời thị phi/ Linh cơ cảm vật cũng kỳ/ Đôi vừng cao thẳm có khi cũng tường/ […] Ly Minh là cõi Nam bang/ Nữ nhi giữ được cương thường kém ai/ Chữ trinh đâu có lạ đời/ Khắp vùng thủy diện khét người chỉ qua/ Phải nàng Thị Thiết chăng là" (Bảo & Văn, 2006, tr. 229-231). Lại trong phần bình luận cuối tác phẩm, vượt qua sự ngần ngại trong đánh giá của Nguyễn Dữ, Nguyễn Hòa Hương một lần nữa khẳng định vai trò đạo đức làm gương của nhân vật Vũ Thị Thiết: "Ngẫm xem thế tục thường tình/ Thị phi kia cũng còn danh đó mà/ Sạch thơm cứ vững lòng ta/ Đã thần ba thước đo ra cho người/ Truyện này oan tỏ mười mươi/ Sau ra mới biết có trời ở trong" (Bảo & Văn, 2006, tr. 293).

Như vậy, nhìn từ mối quan hệ liên văn bản với *Nam Xương nữ tử truyện*, truyện thơ Nôm *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* về cơ bản đã chuyển dịch thể loại từ truyện truyền kì sang truyện thơ Nôm. Với sự chuyển dịch này, câu chuyện về nhân vật Vũ Thị Thiết vì thế không còn là câu chuyện kì lạ theo kiểu truyền kì mà là câu chuyện tình cảm - đạo đức. Ở đó, phương diện tình cảm của nhân vật Vũ Thị Thiết được quan tâm, quan niệm chủ quan của tác giả được bày tỏ và ý nghĩa đạo đức nêu gương được nhấn mạnh.

3. Vũ Thị Thiết – một số phận nữ trung đại có tính chất tổng hòa

Nếu nhìn từ kết cấu truyện kể, nhân vật Vũ Thị Thiết và câu chuyện về nhân vật được truyện thơ Nôm xác lập chủ yếu bởi đạo đức Nho giáo, thì nhìn từ sự vận động của hình tượng trung tâm, có thể thấy, nhân vật Vũ Thị Thiết đã được Nguyễn Hòa Hương trình hiện như một số phận đa diện và có tính chất tổng hòa đặc trưng của các kiểu nhân vật nữ trung đại khác.

Điều này có được trước hết là bởi tư duy tập cổ của văn học trung đại, cho phép thông qua điển cố, điển tích với tư cách "phương tiện ngôn ngữ có chức năng biểu nghĩa kép" (Nguyên, 2016), tác phẩm nới rộng phạm vi liên đới – tạo nên sự kết nối về lịch sử và độ sâu trong ý nghĩa. Bên cạnh yếu tố này, trong trường hợp của *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện*, việc kế thừa thành tựu ngôn từ tiếng Việt trong các tác phẩm viết về số phận người phụ nữ cũng góp phần quan trọng trong việc tạo nên tính chất tổng hòa ở nhân vật Vũ Thị Thiết. Do đó, từ *nhân vật người đàn bà nhu thuận* – đầy đủ đức tính lí tưởng nhưng phải chịu nhiều đau khổ (Giang, 2025), nhân vật Vũ Thị Thiết trong truyện thơ Nôm đã trở thành nhân vật của chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo trong văn học Việt Nam hậu kì trung đại với chiều sâu nội tâm, năng lực tự ý thức và khả năng lên tiếng.

Nhìn chung, có thể hình dung *diện mạo* nhân vật bằng sự hòa trộn phẩm chất của tiết phụ, chinh phụ, khách hồng nhan và liệt nữ.

Trước hết, về phẩm chất tiết phụ – được hiểu là người vợ thủ tiết chờ chồng (vì một lí do nào đó mà vắng mặt) hoặc sau khi chồng chết và thực hiện đầy đủ, trọn vẹn trách nhiệm đạo đức đối với gia đình thì đây là yếu tính trong diện mạo và phẩm chất đạo đức của nhân vật Vũ Thị Thiết. Đến truyện thơ Nôm, yếu tính này tiếp tục được thể hiện, một mặt bằng hành động của nhân vật Vũ Thị Thiết – gìn giữ tiết hạnh, thảo thuận mẹ chồng và chu tất mọi việc trong gia đình: "Nàng từ giữ chốn khuê vi/ Vững tay Khương nữ thỉ thi chẳng dời/ Tam tòng tứ đức vẹn mười/ Chăm bề trung hiếu nết người đoan trang/ Sớm khuya thảo thuận huyên đường/ Tấm lòng quỳ hoắc hướng dương một chiều/ Lòng riêng riêng những kính yêu/ Nguyệt hoa hoa nguyệt ngăn điều say sưa" (Bảo & Văn, 2006, tr. 233), mặt khác bằng sự thừa nhận của các nhân vật khác cùng với sự khẳng định của tác giả. Nếu người mẹ tin rằng hiếu tâm con dâu động lòng trời: "Lòng con khuya sớm ân cần/ Chẳng thua Phương thị nuôi thân tơ hào/ Hiếu tâm trời có phụ nào/ Sau này phúc lý cũng trao tấm thành" (Bảo & Văn, 2006, tr. 245), thì Trương sinh lại hổ thẹn với hiếu nghĩa của người vợ đã mất: "Một mình chong bóng canh dài/ Nghĩ mình lại thẹn với người cửu nguyên/ Hai đường hiếu nghĩa vẹn tuyền/ Có Kiều ắt có Giác Duyên đợi chờ" (Bảo & Văn, 2006, tr. 265). Trong khi đó, tác giả Nguyễn Hòa Hương xót xa cho tấm lòng chân thành của nhân vật: "Vì ai đường xá xa xôi/ Nuôi già dạy trẻ đôi nơi một mình/ Nghĩ cho bên hiếu bên tình/ Thì nên thương lấy tấm thành mấy nao" (Bảo & Văn, 2006, tr. 287).

Thứ đến, về phẩm chất chinh phụ, khác với tiết phụ nhấn mạnh phương diện đạo đức – giữ

vững trinh tiết trong trường hợp vắng mặt người chồng, chinh phụ lại liên quan đến phương diện tình cảm cá nhân, gắn với mong ước lứa đôi trong hoàn cảnh người chồng vắng mặt vì chiến trận. Có thể thấy, trong khi phương diện này không được Nguyễn Dữ khắc họa trong tác phẩm truyền kì mà chỉ được gợi lên thông qua lời tiễn đưa chồng, thì Nguyễn Hòa Hương đã chú ý kiến tạo trong truyện thơ Nôm. Theo đó, trong hoàn cảnh Trương sinh đi lính, Vũ Thị Thiết không chỉ là người phụ nữ đạo đức mà nổi bật hơn cả là người phụ nữ của tình cảm lứa đôi, của ưu tư cá nhân. Bằng việc vận dụng thành quả của ngôn từ tiếng Việt trong tác phẩm *Chinh phụ ngâm khúc* (bản dịch Nôm) như là liên văn bản nền tảng, nhân vật Vũ Thị Thiết với tư cách chinh phụ đã được trình hiện với thái độ quyến luyến lúc tiễn đưa chồng và nỗi nhớ mong khi một mình trông đợi tin tức. Trong khi ở *Nam Xương nữ tử truyện* tất cả nỗi niềm lưu luyến của nhân vật được bộc lộ ngắn gọn và một lần duy nhất qua lời tiễn biệt Trương sinh (Dữ, 1952, tr. 201) thì trong *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* nỗi niềm ấy đã được thể hiện dàn trải không chỉ bằng lời nói mà còn bằng cử chỉ và nội tâm.

Cụ thể, trong lúc tiễn đưa chồng, một mặt lời căn dặn nghĩa tình của Vũ Thị Thiết trong truyện truyền kì được viết lại bằng chất trữ tình của truyện thơ Nôm: "Dẫu cho kể lại cùng chàng/ Ái ân nỡ để đôi đàng xa xôi/ Huyên đình vắng vặc trăng soi/ E khi ngả bóng ngọn đồi tang du/ Liễu mềm khôn cưỡng gió thu/ Để gầy bông thắm để thưa hoa vàng/ Ly tao một khúc đoạn trường/ Như tuôn giọt ngọc đôi hàng lệnh lang/ Nhẽ đâu có nhẽ ngăn chàng/ Quân trung thiếp dám luận bàn làm sao/ Chàng nay đeo bức chiến bào/ Phép công đã vậy xiết bao hiếu tình" (Bảo & Văn, 2006, tr. 237), mặt khác dáng vẻ và nỗi lòng của Vũ Thị Thiết như là con người lứa đôi cũng đã hiện ra một cách đầy cảm xúc: "Tiễn đưa một chén quan hà/ Nỗi gần ngao ngán nỗi xa ngập ngừng/ Đường đi khuất nẻo khơi chừng/ Trông theo đã cách mấy từng nước non/ Oán treo ra cửa phòng môn/ Sầu lên ngọn ải ai buồn hơn ai" (Bảo & Văn, 2006, tr. 239). Ở đây, người đọc nhận ra nét tương đồng trong nỗi sầu đưa tiễn giữa Vũ Thị Thiết và người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm khúc*: "Chàng thì đi cõi xa mưa gió,/ Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn,/ Đoái trông theo đã cách ngăn,/ Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh./ Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,/ Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang./ Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,/ Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng./ Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,/ Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu./ Ngàn dâu xanh ngắt một màu,/ Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai?" (Tuân, 2000, tr. 98-99). Sự tương đồng theo kiểu này còn được nối dài đến nỗi mong nhớ trong cô đơn của nhân vật. Nếu Vũ Thị Thiết trong truyện thơ Nôm: "Nhâm thân tháng đã một vài/ Nửa mừng nửa sợ hôm mai bao đành/ Chinh phu ai vẽ cho mình/ Sầu riêng chất biết mấy thành cho xây/ Gương Tần nỡ để bụi bay/ Hán thoa ai kẻ trao tay cho chàng/ Văn Quân với ả Phan lang/ Mặt hoa mái tóc pha sương quá chừng/ Thước đâu chẳng mách tin mừng/ Dở dang thân thiếp đã từng đắng cay/ Vương tôn thuở trước ai hay/ Thoi đưa thấm thoắt đổi thay đã chầy" (Bảo & Văn, 2006, tr. 241), thì người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm khúc* lại: "Kể năm đã ba tư cách viễn,/ Mối sầu thêm nghìn vạn ngổn ngang./ Ước gì gần gũi tấc gang,/ Giở niềm cay đắng để chàng tỏ hay./ Thoa cung Hán, của ngày xuất giá,/ Gương lầu Tần, dấu đã soi chung./ Cậy ai mà gửi tới cùng,/ để chàng thấy hết tấm lòng tương tư." (Tuân, 2000, tr. 105-106).

Đáng chú ý, từ góc nhìn liên văn bản, hình tượng ngọn đèn, đặt trong diễn tiến mạch truyện của truyện thơ Nôm, còn được bổ sung các phẩm chất sầu thương và đơn chiếc của chiếc đèn trong *Chinh phụ ngâm khúc* – "Dạo hiên vắng, thầm gieo từng bước,/ Ngoài rèm thưa, rủ thác đòi phen./ Ngoài rèm thước chẳng mách tin,/ Trong rèm dường đã có đèn biết chăng./ Đèn có biết dường bằng chẳng biết,/ Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi./ Buồn rầu nói chẳng nên lời,/ Hoa đèn kia với bóng người khá thương!" (Tuân, 2000, tr. 106-107), điều mà chiếc đèn trong tác phẩm truyền kì không thể hiện được: "Ba xuân hoa nở không oanh/ Chín hè nghe tiếng quyên thanh gieo sầu/ Có đêm ngồi suốt canh thâu/ Khêu đèn trỏ bóng dãi dầu cùng con/ Mối sầu chất đã nên non/ Biển Ngân lội suốt hao mòn hình ve/ Có khi vắng vẻ tư bề/ Buồn nghe tiếng dế kêu rè bên tai/ Hay là nghĩ cũng như ai/ Vì thân vâng hịch xa xôi cho đành/ Nguồn ân chẳng luống cạn chênh/ Không dầm bể ái nổi

nênh buồn rầu" (Bảo & Văn, 2006, tr. 247-249). Nhờ đó, tác phẩm của Nguyễn Hòa Hương, về cơ bản, lí giải được tại sao nhân vật lại gọi bóng là chồng. Đó là vì nỗi cô đơn và niềm mong nhớ của một người vợ, của một người phụ nữ mang trong mình tình cảm lứa đôi.

Tiếp đến, về phẩm chất hồng nhan, cùng với phẩm chất chinh phụ, thì đây là hai điểm tô đậm đặc sắc của truyện thơ Nôm đối với diện mạo nhân vật Vũ Thị Thiết. Có thể thấy, từ lúc bị chồng nghi oan, phẩm chất này đã được truyện thơ Nôm thể hiện bằng cách nhấn mạnh cảm thức *hồng nhan bạc mệnh* trong khi hình dung về Vũ Thị Thiết như một người phụ nữ đẹp người đẹp nết nhưng phải chịu cảnh truân chuyên – bị nghi ngờ và phải tìm đến cái chết. Đặc biệt, với cảm thức này, vấn đề tình duyên hay nhân duyên vợ chồng được nêu ra như một trọng tâm trong câu chuyện về nhân vật: "Kể bao thân thiếp cát lầm/ Ông tơ sao khéo xe nhầm mối duyên/ Nào lời bể hẹn non nguyền/ Nào lời thất tịch bách niên vi kỳ" (Bảo & Văn, 2006, tr. 277), và trường từ vựng thuộc về người hồng nhan cũng được chú ý sử dụng: "Bấy lâu cách trở xa khơi/ Vì đâu nên để lụy người đào tơ/ Một lời đã lỗi tóc tơ/ Dầu chàng có nhớ nghĩa xưa ít nhiều" (Bảo & Văn, 2006, tr. 281). Nếu trong tác phẩm truyền kì, vẻ đẹp của Vũ Thị Thiết chủ yếu được miêu tả trên phương diện đức hạnh, thì trong truyện thơ Nôm, ngay từ đầu tác phẩm dung mạo "hồng nhan" của nhân vật đã được khắc họa: "Phải nàng Thị Thiết chăng là/ Mệnh danh những thuở năm ba tuổi đầu/ Phong tư ra cõi hồng lâu/ Mảnh son đúc sẵn ở đâu mủi lòng" (Bảo & Văn, 2006, tr. 231). Để rồi đến khi bi kịch xảy ra, vẻ đẹp ấy được cụ thể hóa thành hình ảnh cánh hoa và chiếc bách – những sự vật nhỏ bé và mỏng manh, gắn liền với cảm thức "mệnh bạc" trong văn học trung đại – mà người đọc có thể dễ dàng tìm thấy trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và nhiều tác phẩm khác: "Hồn theo thúy ái ba đào/ Sầu này gậm nhấm ngày nào cho tan/ Cánh hoa khi đã rữa tàn/ Để duyên Tần Tấn đôi phương Hán Hồ" (Bảo & Văn, 2006, tr. 259), "Nàng càng như dại như cuồng/ Lênh đênh chiếc bách trôi ngang giữa dòng/ Có ai mà dãi tấm lòng/ Đá vần chiếu cuốn hỏi cùng Trang Khương/ Biết thân đến bước dở dang/ Thà bằng khóa ngọc then vàng khăng khăng/ Bấy lâu chẳng xót đãi đằng/ Thôi thì gỡ mối xích thằng là xong" (Bảo & Văn, 2006, tr. 259).

Ngoài ra, để thể hiện tròn đầy cảm thức "hồng nhan bạc mệnh", *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* đã vận dụng hình ảnh "Hoàng giang" trong *Truyện Kiều* trong khi miêu tả về cái chết của nhân vật Vũ Thị Thiết. Thông qua trường liên tưởng "Hoàng giang" - "Tiền Đường", truyện thơ Nôm đã cho thấy cái chết cô đơn, lạnh lẽo là bi kịch mà Vũ Thị Thiết với tư cách khách hồng nhan khó lòng tránh khỏi: "Thương ôi tiết sạch giá trong/ Hoàng giang đâu lại ra sông Tiền Đường/ Hiếu tình mặt nước mênh mang/ Nhấp nhô một gánh cương thường nổi cao" (Bảo & Văn, 2006, tr. 259), "Năm canh nguyệt gác lầu cao/ Lạnh lùng trướng gấm tiên bào châu chan/ Điểm xem những khách hồng nhan/ Cõi trần mà khỏi thác oan mấy người/ Chỉ vì một chút thơm rơi/ Hương hồn vơ vất ở nơi suối vàng" (Bảo & Văn, 2006, tr. 261). Ở đây, nhìn từ quan hệ liên văn bản với *Truyện Kiều*, tác phẩm của Nguyễn Hòa Hương cũng có nhiều điểm gặp gỡ với tác phẩm của Nguyễn Du. Một trong số đó là cả nhân vật Thúy Kiều của Nguyễn Du lẫn nhân vật Vũ Thị Thiết của Nguyễn Hòa Hương đều trải qua cái chết của thân xác trên dòng sông, và từ cái chết trên dòng sông, họ sống lại một cuộc đời mới. Nếu Thúy Kiều đổi tình cầm sắt ra duyên cầm cờ, đóng cửa tu tâm, thì Vũ Thị Thiết lại trở thành người chốn Thủy Tinh, không thể quay về dương thế.

Tuy nhiên, xét riêng phẩm chất hồng nhan, phải nói rằng, truyện thơ Nôm đã không trình bày một chiều, đơn tuyến, đơn giọng. Thay vào đó, hồng nhan là cuộc đối thoại dai dẳng giữa các bên. Nếu từ phía người trần thuật hồng nhan là một thành tố thuộc về bi kịch của nhân vật Vũ Thị Thiết gắn với cảm thức "hồng nhan bạc mệnh", thì từ góc nhìn của Trương sinh, hồng nhan lại là cái cớ để trách cứ và nghi oan. Theo đó, hồng nhan nằm ở phía đối lập với tiết phụ, chinh phụ và liệt nữ; và phẩm chất này liên quan đến nguy cơ sa đọa của người phụ nữ: "Má hồng thôi có ra gì/ Trộm hương nhan sắc đem đi cũng đầy/ Vô tình nào nhẽ có hay/ Đùng đùng nổi giận đoạn ngay một lời/ Điểm hồng dại nết chơi bời/ Mảnh gương Thụ tử còn soi chưa mờ/ Liệu đường mà lánh cho xa/ Còn toan mở mặt cho qua một đời" (Bảo & Văn, 2006, tr. 253).

Còn về phẩm chất liệt nữ – được hiểu là người phụ nữ kiên quyết bảo toàn trinh tiết trước những nguy cơ xâm phạm – thường đi đôi với hành động quyên sinh, thì ngay từ nhan đề và đoạn mở đầu tác phẩm, Nguyễn Hòa Hương đã chủ đích xác lập hình ảnh Vũ Thị Thiết – một liệt nữ qua câu chuyện của hai bà Trưng Vương trong bối cảnh rộng lớn của "Lạc Hồng liệt nữ": "Lạc Hồng liệt nữ mấy người/ Treo gương kim cổ biết đời thị phi/ Linh cơ cảm vật cũng kỳ/ Đôi vừng cao thẳm có khi cũng tường/ Ngàn tây kể đến Trưng Vương/ Sóng reo giòng Hát đôi hàng đá xô/ Kìa ai thỉ chí tòng phu/ Thanh cao in bóng trăng thu vẫn tròn/ Theo sau mắng giặc tiếng đồn/ Còn treo biển ngạch triều đường bên sông/ Tiết trong bóng nước gương lồng/ Áo chăn gối chiếc tấm lòng nam nhi" (Bảo & Văn, 2006, tr. 229). Trong toàn bộ tác phẩm, liệt nữ là phẩm chất duy nhất mà nhân vật Vũ Thị Thiết dõng dạt phát ngôn về bản thân, qua đó, cho thấy ý thức đạo đức theo quan niệm truyền thống của nhân vật: "Nàng nghe giọt ngọc tuôn trào/ Ngập ngừng mới kể thấp cao sự mình/ Nhân sinh cố vốn thường tình/ Tiết trinh kia cũng thơm danh cõi đời/ Để gương trong sách còn coi/ Trương Hàn hai họ là người làm sao/ Chặt tay cắt mũi thế nào/ Sạch trong một tiết biết bao giờ mòn/ Loan Phượng dựng Khúc hồi môn/ Thủy chung vẫn giữ vẹn tròn hiếu tâm" (Bảo & Văn, 2006, tr. 277). Cần nói thêm rằng, chính phẩm chất liệt nữ – gắn với cái chết linh thiêng về sau đã làm nên tính thiêng, tính linh thánh trong hình dung về nhân vật, cụ thể khi Trương sinh lập đàn giải oan: "Nhác trông đã thấy hiện lên/ Ngồi xe cưỡi sóng quả nhiên rõ ràng/ Năm mươi xa tử theo nàng/ Nhấp nhô mặt nước mấy hàng tiên cung/ Tinh kỳ chấp chới giữa dòng/ Xôn xao tơ trúc ngư long dập dìu" (Bảo & Văn, 2006, tr. 283).

Như vậy, từ tiết phụ đến chinh phụ, từ hồng nhan đến liệt nữ, *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* đã trình hiện nhân vật Vũ Thị Thiết như một người phụ nữ trung đại có tính chất tổng hòa. Cùng với nhau, bốn phẩm chất trên tồn tại như những mấu nối của mạng liên văn bản nội tại để làm nên diện mạo con người oan khiên đặc trưng của nhân vật Vũ Thị Thiết.

Thực ra, trong tác phẩm truyền kì, ở phần bình luận, Nguyễn Dữ cũng tạo ra một mạng lưới liên văn bản nội tại về vấn đề này trong khi ông nhắc đến bốn trường hợp nghi oan - oan khiên kinh điển (Dữ, 1952, tr. 208-209). Thế nhưng khác với Nguyễn Dữ, trong khi Nguyễn Hòa Hương cải biên lời bình luận có liên quan đến bốn điển tích nghi oan của Trung Hoa thành đoạn đánh giá chủ quan thì vấn đề nghi oan – oan khiên lại được tác giả trình diện và kiến tạo xuyên suốt. Ở đó, không giống *Nam Xương nữ tử truyện* và các tác phẩm cải biên khác, nhân vật Vũ Thị Thiết trong truyện thơ Nôm đã được nhiều lần cất lên tiếng nói cá nhân để tự minh oan cho chính mình trong sự đối thoại với nhiều đối tượng khác nhau (Trương sinh, đất trời, Phan lang).

Cụ thể, trước lời buộc tội của Trương sinh, nhân vật Vũ Thị Thiết trước tiên đã nhún mình, giữ phận làm vợ, nhân vật nương vào đạo nghĩa chồng vợ và bằng giọng van xin hầu mong giải mối nghi ngờ: "Nàng rằng muôn đội ơn người/ May nhờ nền phúc dám sai dạ này/ Sạch trong một tiết thảo ngay/ Án kia nâng ở ngang mày nhẽ đâu/ Muộn trông xét đến tình đầu/ Bướm ong đâu để nhuộm màu hoa xanh" (Bảo & Văn, 2006, tr. 255). Thế nhưng, trước thái độ cố chấp của Trương sinh, không dừng lại ở sự phản kháng được tư duy và phát ngôn bằng tình cảm và đạo nghĩa, được thực hiện từ vai dưới – giống như trong tác phẩm truyền kì (Dữ, 1952, tr. 203-204), nhân vật Vũ Thị Thiết của truyện thơ Nôm sau đó đã phản kháng bằng lí trí hay sự suy xét lí tính từ vị trí ngang hàng để tự minh oan: "Nàng rằng trời thấu chăng trời/ Đem người dày xuống giếng thơi cho đành/ Kìa ai mõ cá chuông kình/ Thầy tăng để lại ác danh hãy còn/ Thiền quan bia đá chưa mòn/ Thị Mầu dứt ruột trao con trò cười/ Đồ thư một bức trêu ngươi/ Bầy mưu phản gián kiếm đời thảo mai/ Đất bằng bỗng rắc chông gai/ Trách ai khéo vẽ cho người tang thương/ Sao không soi xét hỡi chàng/ Đang tay nỡ bẻ mảnh gương tan tành" (Bảo & Văn, 2006, tr. 257). Có thể thấy, việc nhân vật nhắc đến Thị Mầu và nỗi oan của Thị Kính - Kính Tâm trong tích truyện dân gian và truyện thơ Nôm *Quan Âm Thị Kính* đã mở ra một quan hệ liên văn bản thú vị cho tác phẩm. Với quan hệ liên văn bản này, một mặt câu chuyện về nhân vật Vũ Thị Thiết nói chung và tác phẩm truyện thơ Nôm nói riêng được thuộc về đề tài hàm oan mang tính bản địa của văn học dân tộc, mặt khác phản ánh khả năng tư duy của Vũ Thị Thiết khi nhân vật

nhận thức được sự nghi kị là nguyên nhân và đó là sự sai lầm của chồng mà kết quả như trường hợp Thị Kính và Thị Mầu là điều có thể được tiên liệu, từ đó phá vỡ trạng thái thụ động - cam chịu của nhân vật trong truyện truyền kì và cho thấy ý thức của nhân vật.

Không chỉ với Trương sinh mà với trời đất và Phan lang, trong các phát ngôn của mình, nhân vật Vũ Thị Thiết cũng có thấy nhận thức rõ ràng về nguyên nhân đằng sau bi kịch cá nhân. Đó là sự nghi ngờ mù quáng của chồng. Nếu trước khi tự trầm nhân vật lầm rầm khấn khứa bên bờ sông: "Sự này do tại nhi phu/ Phận bèo phải chịu oan vu bấy chầy/ Bể thần âu nhẽ có hay/ Oan này xin xét lòng này xin thương" (Bảo & Văn, 2006, tr. 261), thì khi giải bày cùng Phan lang điều này lại được nhắc lại một lần nữa nhưng tập trung hơn: "Trách chàng bụng chẳng hay suy/ Vắng chồng thủa trước chép ghi đến giờ/ Kê minh tất suất đề thơ/ Mà đồ tạp bội đãi đưa trăng tròn/ Nói càng đau đớn lòng son/ Nghĩ ra những sự chồng con thêm buồn" (Bảo & Văn, 2006, tr. 277). Từ việc tự trách phận hẩm hiu được trong truyện truyền kì (Dữ, 1952, tr. 204), đến truyện thơ Nôm, phu nhi (chồng con) và lòng nghi ngờ ngu tối của Trương sinh đã được nhân vật nêu ra như là nguyên nhân chính yếu của bi kịch. Điều này rõ ràng là một sự đối thoại mạnh mẽ về mặt tư duy đạo đức của *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* của Nguyễn Hòa Hương đối với *Nam Xương nữ tử truyện* của Nguyễn Dữ, qua đó, làm nên tính độc đáo và cải biên năng động của tác phẩm này.

KẾT LUẬN

Tóm lại, từ những trình bày sơ lược trên đây, có thể thấy, *Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện* của Nguyễn Hòa Hương là một trường hợp cải biên đặc sắc. Tác phẩm đã được kiến tạo bằng sự đối thoại liên tục với văn bản nguồn và mạng lưới liên văn bản đậm tính bản địa, dân tộc. Nhìn từ thể loại và kết cấu truyện kể, tác phẩm là câu chuyện của tình cảm và đạo đức, tâm tư của nhân vật trở thành trọng tâm thay cho tính chất kì lạ trong truyện truyền kì. Trong khi đó, nhìn từ hình tượng nhân vật trung tâm, Vũ Thị Thiết đã được xây dựng như một số phận nữ có tính chất tổng hòa các phẩm chất của tiết phụ, chinh phụ, hồng nhan và liệt nữ, và những phẩm chất này không tồn tại biệt lập mà cùng nhau tạo nên diện mạo con người oan khiên của nhân vật. Đó rõ ràng không phải là con người chịu oan một cách thụ động, thay vào đó, Vũ Thị Thiết của truyện thơ Nôm đã được cất lên tiếng nói cá nhân, đã nhận thức được nguyên nhân và tự giải oan cho chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Barthes, R. (1977), *Image Music Text* (S. Heath Trans), London: Fontana Press.

Childs, P., & Fowler, R. (2006), *The Routledge Dictionary of Literary Terms*, New York: Routledge.

Giang, Đ. L. (2025), *Văn học trung đại Việt Nam trong khu vực văn hóa Đông Á*, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

Minh, H. V., & Linh, P. D. (2006), "Nam Xương liệt nữ Vũ thị tân truyện Văn bản và tác phẩm", https://www.nomfoundation.org/Conf2006/MinhLinh_NamXuong.pdf

Kristeva, J. (2024), *Desire in Language: A Semiotic Approach to Literature and Art*, New York: Columbia University Press.

Nguyên, N. Đ. (2016), "Điển cố văn học từ góc nhìn liên văn bản", http://vanhoanghethuat.vn/dien-co-van-hoc-tu-goc-nhin-lien-van-ban.htm

Dữ, N. (1952), *Truyền kỳ mạn lục* (Ngô Văn Triện dịch), Sài Gòn: NXB Tân Việt.

Nam, N. P. (2015), "Cách tiếp cận mới trong nghiên cứu truyện thơ Nôm", Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2, tr. 105-115.

Tuân, N. Q. (sưu tầm, biên soạn). (2000), *Tổng tập Văn học Việt Nam – Tập 13*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

Bảo, N., & Văn, T. Đ. (2006), *6 Truyện - thơ Nôm đầu thế kỷ XX* (Vũ Văn Kính hiệu đính), Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Zengin, M. (2016), "An Introduction to Intertexuality as a Literary Theory: Definitions, Axioms and the Originators". *Pamukkale University Journal of Social Sciences Institute*, Vol 25, No. 1, pp. 299-326.